TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2025
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Miến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải**- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông **Triệu Văn Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNG§ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST- HNGĐ ngày 16/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh L, sinh năm 1987; có mặt

Địa chỉ: Thôn BK, xã PK, huyện TT, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Cấn Văn S, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn BK, xã PK, huyện TT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2025 cùng bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án của nguyên đơn là chị Phan Thị Thanh L trình bày:

Chị và anh Cấn Văn S trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm, tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã PK, huyện TT, TP. Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu

thuẫn. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân 4 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Cấn Hồng A, sinh ngày 08/2/2015 và cháu Cấn Hoàng H, sinh ngày 09/7/2017, hiện tại cả hai cháu đang ở với chị. Nguyện vọng của chị là xin nuôi cả hai cháu. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là anh Cấn Văn S, Tòa án không ghi được ý kiến của anh S với lý do: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa. Ngày 09/5/2025, Tòa án nhân dân huyện TT cùng Công an xã PK, huyện TT đã đến nơi cư trú của anh S tại thôn BK, xã PK, huyện TT, TP. Hà Nội để lấy lời khai ghi ý kiến của anh S về việc yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh S không có mặt tại nhà. Do vậy, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của ông Cấn Văn Cải, sinh năm 1960 là bố đẻ của anh Cấn Văn S.

Ông Cải trình bày: Ông là bố đẻ của anh Cấn Văn S, năm 2015 anh S và chị Phan Thị Thanh L kết hôn với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng, không hợp nhau và về vấn đề kinh tế gia đình nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh S và chị L ly thân nhiều năm nay, gia đình đã động viên, khuyên bảo vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn anh S, việc này do hai vợ chồng tự quyết định.

Về con chung: Anh S và chị L có 02 con chung là Cấn Hồng A, sinh năm 2015 và Cấn Hoàng H, sinh năm 2017. Hiện cả hai cháu đang ở với mẹ. Nếu ly hôn, các con ở với ai là tùy nguyện vọng của các con.

Trước đây khi vợ chồng chưa ly thân thì anh S làm xây dựng, thu nhập cụ thể thì ông không nắm được.

Về tài sản và công nợ: Không có gì.

Hiện tại anh S đi làm việc xa nhà, làm ở đâu và địa chỉ cụ thể thì ông và gia đình không rõ nhưng thỉnh thoảng vẫn về ở cùng ông tại thôn BK.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đề nghị HĐXX áp dụng Căn cứ các Điều 27, 29, 33, 37, 51, 56, 57, 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn và nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu giải quyết quan hệ: Ly hôn và nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện TT, Thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Cấn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/6/2025, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2025. Quyết định này đã được tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, anh S tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện TT xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tính hợp pháp của hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh L và anh Cấn Văn S kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PK, huyện TT vào ngày 20/01/2015, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S được xác định là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thanh L. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều thể hiện chị L xin ly hôn, anh S không hợp tác trong quá trình giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của chị L. Theo chị L, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị L trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Điều này chứng tỏ

mẫu thuẫn của vợ cHồng A, chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Chị L, anh S có hai con chung là cháu Cấn Hồng A, sinh ngày 08/2/2015 và cháu Cấn Hoàng H, sinh ngày 09/7/2017. Hiện tại các cháu đang ở cùng chị L. Nguyện vọng của chị L là xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và hoàn cảnh thực tế của hai bên. Đối với con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Chị L có thu nhập ổn định, các cháu đang sống cùng chị L 4 năm nay và nguyện vọng muốn ở với mẹ, hiện tại anh S không có mặt tại địa phương. Do vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu nên tiếp tục giao cháu Anh và cháu Hải cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Chị L xác nhận không có. Tuy nhiên, do không ghi được ý kiến của anh Cấn Văn S nên về phần tài sản và công nợ chung Tòa án không giải quyết nếu anh S có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phan Thị Thanh L.

1.1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh L được ly hôn anh Cấn Văn S.

1.2. Về con chung: Giao cháu Cấn Hồng A, sinh ngày 08/2/2015 và cháu Cấn Hoàng H, sinh ngày 09/7/2017 cho chị Phan Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Cấn Văn S đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

1.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Thanh L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0058.990 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Thanh L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cấn Văn S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Thị Ninh

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã PK;
- Những người tham gia tố tụng.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã Hạ Bằng;
- Những người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Thiết